ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 59/2024/QĐ-UBND	*Vĩnh Long, ngày 31 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

2. Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong tỉnh về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức triển khai và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CVP, PCVP. UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- BTCDNC, TT.TH-CB (VP.UBND tỉnh);
- Lưu: VT, 120.TCDNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Liệt

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Kèm theo Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) (viết tắt là các sở, ban, ngành, địa phương).

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp phải đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành, địa phương và quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Đảm bảo sự chủ động của cơ quan chủ trì; sự phối hợp thường xuyên, kịp thời của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan; tập trung, thống nhất, không chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định.

4. Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, kịp thời phát hiện những quy định không còn phù hợp, từ đó kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Tổ chức triển khai, xây dựng, hoàn thiện pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Tham gia giải quyết, xử lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính.

7. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức, tham gia họp liên ngành; hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Thành lập, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II
TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 5. Tổ chức triển khai, xây dựng, hoàn thiện pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

b) Nghiên cứu, rà soát, xây dựng và hoàn thiện các chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

d) Tiếp nhận những kiến nghị, phản ánh của các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan báo chí, các tổ chức, cá nhân về những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tổng hợp, báo cáo

Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Bộ Tư pháp và các bộ, ngành có liên quan xử lý theo thẩm quyền.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Rà soát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

c) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, trường hợp phát hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính không phù hợp với thực tiễn, không khả thi hoặc mâu thuẫn, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu).

Điều 6. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn tỉnh.

b) Nghiên cứu, biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính.

d) Hướng dẫn, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện việc phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương thường xuyên phổ biến các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc cử cán bộ, công chức, người làm công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền quản lý tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính do bộ, ngành trung ương, địa phương tổ chức.

Điều 7. Phối hợp giải quyết, xử lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trách nhiệm của người được giao giải quyết vụ việc vi phạm hành chính:

a) Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan nghiên cứu, giải quyết, xử lý theo thẩm quyền được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Kịp thời chuyển hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính gồm biên bản vi phạm hành chính, văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính, dự thảo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan bằng bản giấy và bản điện tử đến người có thẩm quyền xử phạt theo thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, trường hợp hồ sơ có tài liệu mật thì việc gửi, nhận thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

c) Việc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của cá nhân, tổ chức bị xử phạt theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan có liên quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thực hiện việc giải trình (nếu vụ việc xử phạt vi phạm hành chính thuộc trường hợp giải trình) theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi bởi khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người được giao giải quyết vụ việc vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp cho ý kiến giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính liên quan đến ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý theo yêu cầu của người được giao giải quyết vụ việc vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; triển khai, tổ chức kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

b) Phân công công chức đủ tiêu chuẩn tham gia đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh khi nhận được yêu cầu phối hợp từ Sở Tư pháp.

c) Phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh trong quá trình kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

d) Xem xét, xử lý các kiến nghị của đoàn kiểm tra và gửi kết quả đến Sở Tư pháp theo quy định.

3. Việc ban hành Kế hoạch kiểm tra, trình tự, thủ tục kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ và Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện thanh tra khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc

áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Các các sở, ban, ngành, địa phương là đối tượng thanh tra có trách nhiệm chấp hành, thực hiện quyết định thanh tra của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và các bộ, ngành trung ương.

2. Thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính được thu thập theo quy định của pháp luật về thống kê.

Điều 11. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bao gồm: báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính và báo cáo về tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, được thực hiện định kỳ hằng năm.

2. Nội dung báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hằng năm được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 5 Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Thời hạn báo cáo và trách nhiệm thực hiện:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuộc địa bàn quản lý của địa phương mình đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình về Sở Tư pháp.

4. Sở Tư pháp chủ trì, có văn bản phối hợp yêu cầu báo cáo với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và tổng hợp báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ

Tư pháp về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

5. Báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Yêu cầu đối với việc ban hành chế độ báo cáo đột xuất và chuyên đề thực hiện theo Điều 9, Điều 10 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm chính thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc lập dự toán, quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp:

a) Là cơ quan đầu mối trực tiếp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý về xử lý vi phạm hành chính; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá về công tác phối hợp; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những cơ quan, đơn vị, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan tại cơ quan, đơn vị và địa phương mình quản lý.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, trường hợp có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tư pháp để được hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.